

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 12 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh H

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Phạm Minh H qua nhiều năm tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Chị và anh H đã sống ly thân hơn 06 tháng. Đến nay, chị T xác định không thể hàn gắn được với anh H nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Trần Như P (nữ) sinh ngày

20/5/2006 và Phan Trần Hạo N (nam) sinh ngày 22/9/2014. Từ khi ly thân đến nay, các con chung do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Phạm Minh H khai như sau: Anh và chị Trần Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, đến gần đây có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Trần Như P (nữ) sinh ngày 20/5/2006 và Phan Trần Hạo N (nam) sinh ngày 22/9/2014. Các con chung đang sống cùng chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh thì anh đồng ý để chị T nuôi hai con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 55, Điều 81, 82, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T đối với anh Phạm Minh H. Về con chung: Giao hai cháu Phan Trần Như P (nữ) sinh ngày 20/5/2006 và Phan Trần Hạo N (nam) sinh ngày 22/9/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Kim T và anh Phạm Minh H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị T yêu cầu Tòa án giải

quyết được ly hôn với anh H, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Kim T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Minh H vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Thoa và anh H.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị T và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh vẫn còn thương vợ con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần, vợ chồng đã ly thân hơn sáu tháng nhưng anh H không có giải pháp gì để hàn gắn với chị T. Chị T yêu cầu giải quyết vắng mặt và không muốn hòa giải với anh H. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[3.2] Về quyền nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T và anh H xác định có 02 con chung là Phan Trần Như P (nữ) sinh ngày 20/5/2006 và Phan Trần Hạo N (nam) sinh ngày 22/9/2014. Các cháu hiện đang sống cùng chị T. Anh H và chị T đều thống nhất nếu ly hôn sẽ giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Riêng cháu P đã hơn 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều

82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm Minh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 34/GCNKH ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa (nay là thị trấn Bảy Ngàn), huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Trần Thị Kim T và anh Phạm Minh H không còn giá trị kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2020.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phan Trần Như P (nữ) sinh ngày 20/5/2006 và Phan Trần Hạo N (nam) sinh ngày 22/9/2014 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu anh Phạm Minh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0005559 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị T đã nộp xong án phí).

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh